

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ NGỮ TIẾNG VIỆT TRONG THỜI ĐẠI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TỪ GÓC NHÌN NHÀ TRƯỜNG

○ TS. PHẠM THỊ ANH*

Sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ trong những năm qua đã đem lại những biến đổi to lớn trong mọi mặt đời sống xã hội. Trong sự phát triển đó, ngôn ngữ tiếng Việt cũng đã có những bước tiến lớn, đặc biệt là sự ra đời của hàng loạt từ ngữ mới, tạo sự thuận lợi cho quá trình giao tiếp. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi muốn đề cập đến *sự phát triển của ngôn ngữ tiếng Việt trong thời đại khoa học công nghệ thông tin, xét từ góc nhìn nhà trường.*

1. Con đường phát triển của từ ngữ tiếng Việt

Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội, không ngừng biến đổi theo sự vận động của xã hội để đáp ứng nhu cầu của đời sống. Sự phát triển của ngôn ngữ nói chung, tiếng Việt nói riêng được thể hiện trên cả 3 bình diện: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp.

Xét về mặt từ vựng, tiếng Việt có 2 đơn vị tương đương nhau là *từ* và *ngữ cố định*, thường được gọi chung là từ ngữ. Sự phát triển của từ vựng diễn ra theo 2 cách: *phát triển nghĩa của từ* (theo phương thức ẩn dụ và hoán dụ) và *phát triển số lượng các từ ngữ*. *Phát triển nghĩa của từ* là sự phát triển về chất, tạo nên sự sinh động, đa nghĩa cho từ ngữ. Trên thực tế tạo từ mới, «rất ít khi một từ ngữ mới mang một vỏ ngữ âm mới hoàn toàn mà thường được hình thành trên cơ sở những yếu tố đã có sẵn và theo 2 phương thức cơ bản là ghép và láy. Tuy nhiên, hiện nay, chỉ có phương thức ghép là có sức sản sinh cao, nói cách khác, các từ ngữ mới chủ yếu được hình thành theo cách dùng các yếu tố có sẵn ghép lại với nhau» (1; tr. 74). Từ vựng tiếng Việt còn phát triển theo con đường vay mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài, chủ yếu là tiếng Hán, tiếng Pháp và tiếng Anh. Sự phát triển của từ ngữ tiếng Việt trong giai đoạn hiện nay có sự thâm nhập và sử dụng rất lớn các từ ngữ tiếng Anh, trong đó chủ yếu là các thuật ngữ chuyên môn, liên quan trực tiếp đến ngành khoa học công nghệ thông tin.

2. Sự phát triển của từ vựng tiếng Việt từ góc nhìn nhà trường

Quan sát, lắng nghe câu chuyện của học sinh, sinh viên trong các giờ ra chơi, các cuộc giao tiếp, có thể thấy ngôn ngữ của thời đại công nghệ thông tin đã thâm nhập vào đời sống văn hoá, tinh thần của thế hệ trẻ khá nhanh. Lấy ví dụ, đoạn thoại 1: A. *Sao bảo cậu đi tour?*/B. *No, vì tớ hết money rồi/* A. *Chắc là lại shopping nhiều quá chứ gì?*/ B. *Exactly, độ này nhiều đồ second-hand hấp dẫn lắm/*; đoạn thoại 2: A. *Hi! How are you?*/ B. *Thanks, cũng tạm được. À, hôm qua, tớ mới nói chuyện với Mai đấy/* A. *Thế à ? Nó có đờ man man đi không ?*/B. *Nặng hơn. Nghe chuối lắm/A. Đúng là đờ đờ hơi biết bơi/B. *Thôi, kệ nó. Mai bọn mình đi dancing đi/A. Ok. Chuyện nhỏ như con thỏ.**

Đoạn thoại 1 xuất hiện một số từ ngữ khá thông dụng, các đối tượng đều có thể «giải mã» được như: «tour», «money», «shopping», «exactly», «second-hand». Nhưng, ở đoạn hội thoại 2, «man man», «chuối», «đờ hơi biết bơi»... lại là những từ ngữ được dùng theo thói quen, thậm chí có từ chỉ đơn thuần là sự lắp ghép lại sao cho âm thanh phù hợp, dễ nhớ (*đờ hơi biết bơi cũng như nhỏ như con thỏ, xinh như con tinh tinh, nhục như con trùng trọc...*).

Nhìn một cách khách quan, việc sử dụng các thuật ngữ chuyên môn để biểu thị những khái niệm mới xuất hiện trong đời sống là phù hợp nhất. Bởi, đôi khi rất khó chuyển dịch những thuật ngữ này sang tiếng Việt. Mặt khác, đây là cách nói của thế hệ trẻ với nhau. Cùng một thế hệ, cùng một nhận thức,... sự tiếp cận và «giải mã» những khái niệm, những từ ngữ này cũng tương đối dễ dàng. Nhà văn hoá Trần Đình Hượu từng khẳng định: «Con đường hình thành bản sắc văn hoá không chỉ trông cậy vào sự tạo tác của chính dân tộc đó mà còn trông cậy vào khả

* Trường Đại học Hồng Đức

năng chiếm lĩnh, khả năng đồng hoá những giá trị văn hoá bên ngoài” (2; tr. 196). Cho nên, việc phát triển vốn từ ngữ tiếng Việt trong thời đại khoa học công nghệ thông tin cũng biểu thị cho khả năng chiếm lĩnh, khả năng đồng hoá những giá trị văn hoá bên ngoài của nền văn hoá Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, đồng thời vẫn giữ được bản sắc dân tộc.

Tuy nhiên, ở một góc nhìn khác, góc nhìn nhà trường, cách sử dụng các từ ngữ trên trong hoạt động giao tiếp lại có nhiều điểm cần nhìn lại. Lạm dụng từ ngữ, thuật ngữ nước ngoài ít nhiều sẽ tạo tâm lí khó chịu đối với các đối tượng giao tiếp. Đối với học sinh, sinh viên trong nhà trường, điều này lại càng có ý nghĩa quan trọng.

3. Định hướng, giáo dục HS có thói quen tốt khi dùng từ ngữ, vừa đảm bảo thuần phong mĩ tục, vừa biểu đạt được nội dung giao tiếp

3.1. Căn cứ vào đối tượng giao tiếp lựa chọn từ ngữ để biểu đạt nội dung thông tin

Cùng một nội dung thông tin, nhưng do đối tượng giao tiếp khác nhau, việc chọn lựa cách thức biểu đạt sẽ khác nhau. Cách thức biểu đạt liên quan trực tiếp đến việc sử dụng từ ngữ. Việc dùng các từ ngữ, thuật ngữ tiếng nước ngoài như chúng ta đề cập trong các ví dụ trên chỉ phù hợp với các tình huống giao tiếp hẹp, cụ thể là trong quan hệ bạn bè cùng lứa tuổi. Ở các tình huống giao tiếp khác (với thầy cô giáo, bố mẹ...) sẽ tạo nên sự khó hiểu, thậm chí xa lạ đối với đối tượng giao tiếp. Những cách nói *dở hơi biết bơi, nhỏ như con thỏ, xinh như con tinh tinh, nhục như con trùn trọc...* nếu được sử dụng hợp lí sẽ tạo sự vui vẻ, thoải mái trong giao tiếp, ngược lại, sử dụng tùy tiện sẽ gây ấn tượng dung tục, suồng sã. Trong các tiết dạy *Các biện pháp tu từ, Trau dồi vốn từ* (lớp 6 đến lớp 9), *Các phương châm hội thoại, Sự phát triển của từ vựng, Thuật ngữ...* (lớp 9); các giờ Tập làm văn, Giáo dục công dân, Tiếng Việt ở trung học phổ thông (*Luyện tập về nghĩa của từ, Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ* (lớp 10), *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, Luyện tập về giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt* (lớp 12)) GV cần có sự định hướng, điều chỉnh cách nói cho HS, đảm bảo những chuẩn mực trong giao tiếp, đồng thời thể hiện được lòng yêu quý, tự hào đối với tiếng Việt:

- Phải lựa chọn từ ngữ thật chuẩn xác để biểu đạt chính xác nghĩa cần thông báo. Từ ngữ

được sử dụng phải đúng về âm thanh - hình thức cấu tạo, đúng về nghĩa (biểu vật, biểu niệm)... Ví dụ: Chúng tôi đã *phong* cho bạn là học sinh gương mẫu. Từ *phong* dùng trong phát ngôn trên chưa đúng, *phong* là hành động ban chức vụ, danh hiệu của cấp trên đối với cấp dưới, chẳng hạn: *Nhà nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú, danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng...* Còn trong tình huống trên, chỉ nên dùng từ *«bầu»* vì *«bầu»* là chọn lựa bằng cách bỏ phiếu hoặc biểu quyết để giao cho làm đại biểu, giữ một chức vụ..., phù hợp với mối quan hệ giữa *«chúng tôi»* và *«bạn»*.

- Phải dùng từ sao cho phù hợp với tình huống - hoàn cảnh giao tiếp. Tình huống giao tiếp quy định vai - vị thế giao tiếp. Điều đó đòi hỏi HS phải lựa chọn các từ ngữ xưng hô, các lớp từ phù hợp với các phong cách ngôn ngữ. Phong cách khẩu ngữ cho phép được sử dụng các từ ngữ đa dạng, nhưng trong các bài làm văn, phải ưu tiên sử dụng các từ ngữ thuộc phong cách khoa học và nghệ thuật. Ví dụ: *«Chị Dậu là một phụ nữ nhà quê khoẻ mạnh, đảm đang»*. Từ *nhà quê* thuộc phong cách khẩu ngữ, dùng ở ví dụ này không phù hợp. Cần sửa lại là: *«Chị Dậu là một phụ nữ nông thôn khoẻ mạnh, đảm đang»*.

- Dùng từ phải đúng về đặc điểm ngữ pháp. Đặc điểm ngữ pháp của từ tiếng Việt thể hiện ở quan hệ kết hợp: quan hệ kết hợp của từ trong cụm từ, quan hệ kết hợp của từ trong câu. Ví dụ, *«Ở lớp tôi, bạn ấy là người hoạt động rất năng lực»*. *Năng lực* là danh từ, không thể kết hợp với phụ từ chỉ mức độ *«rất»*. Cần phải dùng đúng đặc điểm danh từ của nó, chẳng hạn: *Ở lớp tôi, bạn ấy là người hoạt động rất có năng lực, hoặc Ở lớp tôi, bạn ấy là người hoạt động rất sôi nổi*.

- Phải dùng từ ngữ sao cho trong sáng. Yêu cầu này đòi hỏi người nói, người viết phải chọn lựa cách diễn đạt sao cho logic, chặt chẽ. Xuân Diệu, trong một bài viết đã khẳng định: *«Theo ý tôi, sáng là sáng sủa, dễ hiểu, khái niệm được rõ ràng, minh bạch... Tôi muốn hiểu, chữ sáng là nặng về nội dung..., còn chữ trong là nặng về hình thức... Cho nên, phải phấn đấu cho được sáng về nghĩa, đồng thời phải trong về lời...»* (3; tr. 40). Ví dụ: *«Lớp tôi duy nhất chỉ có hai bạn là học sinh xuất sắc»*. Phát ngôn này sai trong lỗi diễn đạt (dùng từ không logic), vì *«duy nhất»* không bao giờ kết hợp với số từ *«hai»*.

3.2. Giáo dục cho các em thói quen tránh lạm dụng các từ ngữ vay mượn, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

Lạm dụng các từ ngữ vay mượn đã trở thành hiện tượng khá phổ biến trong đời sống hiện nay, đặc biệt ở giới trẻ. «Những từ ngữ tiếng Việt có mà lại không sử dụng, lại vay mượn tùy tiện tiếng nước ngoài thì đó là lạm dụng» (2; tr. 38). Giáo dục cho các em thói quen tránh lạm dụng các từ ngữ vay mượn, tiến tới giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt chính là hành động bảo vệ tiếng Việt: «Để bảo vệ tiếng Việt, điều quan trọng là phải chống lại bệnh lạm dụng từ ngữ tiếng nước ngoài khi nói và khi viết. Trước đây, đó là bệnh lạm dụng tiếng Hán, bệnh «nói chữ». Hiện nay là bệnh lạm dụng tiếng Anh... Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng phê phán căn bệnh này: «Của mình có mà không dùng lại đi mượn của nước ngoài, đó chẳng phải là đầu óc quen ỷ lại hay sao?» (2; tr. 39).

Giáo dục HS tránh lạm dụng các từ ngữ vay mượn là hết sức cần thiết, đồng thời là hành động thiết thực để giữ gìn bản sắc văn hoá Việt Nam trong xu thế hội nhập hiện nay. Bệnh sử dụng quá nhiều từ ngữ vay mượn, trong một số tình huống cụ thể đã tạo nên cách diễn đạt trùng nghĩa, mất đi giá trị thẩm mỹ và hiệu quả giao tiếp. Một vài ví dụ cho thấy điều đó: - *Nhiều fans hâm mộ*

đã nhảy cả lên sân khấu chúc mừng thành công của tiết mục văn nghệ của lớp mình; - Nó ăn mặc rất hợp một thời trang. Ở ví dụ 1, *fan* có nghĩa là «người hâm mộ». Nói hoặc viết là «nhiều fans hâm mộ» là thừa, là trùng nghĩa. Đã dùng người hâm mộ thì không dùng fan và ngược lại. Hơn nữa, vì không hiểu cách dùng danh từ tiếng Anh nên ví dụ trên còn sai khi dùng từ *fan* ở hình thức số nhiều. Tương tự ví dụ 1, ở ví dụ 2, một đã hàm chứa nghĩa «thời trang». Dùng «một thời trang» vừa lạm dụng tiếng nước ngoài, vừa trùng nghĩa.

Trong xu thế hội nhập, từ ngữ tiếng Việt đã không ngừng được phát triển, đáp ứng nhu cầu biểu đạt thông tin của con người trong thời đại khoa học công nghệ. Nhưng, việc sử dụng tùy tiện một số cách nói so sánh, lạm dụng các từ tiếng Anh... là điều cần tránh trong giao tiếp, đặc biệt là đối với học sinh, sinh viên. Để định hướng, giáo dục cho các em thói quen sử dụng từ ngữ đảm bảo thuần phong mỹ tục của dân tộc, để hiểu trong giao tiếp là trách nhiệm của gia đình, xã hội và quan trọng là nhà trường. □

(1) *Ngữ văn 8*, tập 2, (SGV). NXB Giáo dục, H. 2005.

(2) *Ngữ văn 10*, tập 1, (SGK). NXB Giáo dục, H. 2006.

(3) *Ngữ văn 12* nâng cao, tập 1, (SGK). NXB Giáo dục, H. 2008.

Viết sáng kiến kinh nghiệm...

(Tiếp theo trang 29)

pháp, biện pháp tác động nhằm nâng cao chất lượng GD, DH. Các giải pháp, biện pháp được đề xuất phải theo nguyên tắc đảm bảo tính mục tiêu, tính khoa học, sự phạm và tính khả thi.

Kết quả thu được có thể sử dụng để xây dựng lí luận về nhiều ngành KHGD hoặc khoa học khác có liên quan: GD học, tâm lí học sư phạm, PPDH bộ môn, GD học so sánh, kinh tế học GD, xã hội học GD, lịch sử GD, v.v... Nó cũng có thể dùng làm giả thiết cho những thực nghiệm về GD.

Đảng ta và Hồ Chủ tịch rất quan tâm tới công tác tổng kết kinh nghiệm. Ngay khi hoà bình mới lập lại ở miền Bắc, những năm đầu xây dựng ngành giáo dục, Hồ Chủ tịch đã trực tiếp chỉ thị cho toàn thể cán bộ trong ngành phải «đi sâu vào việc điều tra nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm» (4). Chủ trương công tác phải cụ thể, thiết thực, đúng đắn; kết hợp chặt chẽ chủ trương chính sách của trung ương với hình thức thực tế và kinh nghiệm quý báu, phong phú của quần chúng, của cán bộ,

của địa phương. Đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn sẽ giúp cho việc gợi mở, giải quyết nhiều vấn đề còn chưa sáng tỏ của lí luận và sách báo cho hướng đi tới đúng đắn,...

Đẩy mạnh công tác tổng kết kinh nghiệm, viết sáng kiến kinh nghiệm giáo dục, dạy học và phổ biến, áp dụng vào thực tiễn sẽ góp phần quan trọng tạo động lực cho các nhà giáo, cho GV thực hiện tốt nhiệm vụ đối mới PPDH, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện để tiến tới thực hiện thành công các mục tiêu đổi mới của ngành giáo dục trong giai đoạn hiện nay. □

(1) Phạm văn Đồng: «Một phương pháp cực kì quý báu», *Nhân dân*, 18/11/1994.

(2) Nguyễn Thiện Nhân: Về một số quy luật và quy tắc cần được tôn trọng trong quản lí giáo dục và nguyên nhân một số yếu kém kéo dài của hệ thống giáo dục.

(3) Bùi Bình Thi: «Thiên chức nhà văn», *Văn nghệ số* 38, ngày 18/9/2010.

(4) Hồ Chí Minh: «Thư gửi hội nghị giáo dục toàn quốc» tháng 3/1955. Trong cuốn: *Về vấn đề giáo dục*. NXB Giáo dục, 1977.